HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 59 /NQ-HĐND	*Krông Búk, ngày 30 tháng 12 năm 2016*

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt Danh mục công trình đường giao thông nông thôn áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Krông Búk, giai đoạn 2017-2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 77/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07/8/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg, ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị Quyết số 173/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 của HĐND tỉnh Đắk Lắk Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 8/03/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 173/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trêm địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị Quyết số 41/2016/NQ-HĐND ngày 31/8/2016 của HĐND huyện Krông Búk Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Krông Búk từ nguồn ngân sách huyện, giai đoạn 2016-2020.

Xét Tờ trình số 322/TTr-UBND ngày 05/12/2016 của UBND huyện về việc phê duyệt danh mục công trình đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện Krông Búk, giai đoạn 2017-2020; Báo cáo thẩm tra số 37/BC-HĐND ngày 27/12/2016 của Ban kinh tế - xã hội HĐND huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện tán thành và thông qua danh mục công trình đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Krông Búk, giai đoạn 2017-2020, với nội dung như sau:

- Nguồn vốn:

+ Ngân sách cấp trên hỗ trợ hàng năm.

+ Ngân sách huyện hàng năm bố trí từ 2 tỷ đồng trở lên cho Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

(Có danh mục công trình đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Krông Búk, giai đoạn 2017-2020 đính kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao cho UBND huyện triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại các kỳ họp. Trong quá trình triển khai và thực hiện có thể xem xét điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế báo cáo với HĐND huyện quyết định.

Thường trực HĐND huyện, các Ban của HĐND huyện tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân huyện thông qua.

Nghị quyết này HĐND huyện Krông Búk Khoá XI, Kỳ họp thứ 3, thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Huyện uỷ;
- UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành của huyện;
- HĐND, UBND các xã;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Hoàng Sỹ Hùng

DANH MỤC DỰ KIẾN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG GTNT ÁP DỤNG CƠ CHẾ ĐẶC THÙ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NTM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG BÚK, GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 54 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Nhân dân huyện)

STT	Tên danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Các hạng mục công trình	Diện tích sử dụng đất	Chiều dài CT (m)	Quy mô xây dựng (TK mẫu)	Nội dung thiết kế	Khái toán kinh phí thực hiện (VNĐ)
I	**Xã Pơng Drang**							**15.719.343.990.00**
1	Đường GTNT xóm 6, 4, thôn 9	Thôn 9, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.000	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	1.186.128.000.00
2	Đường GTNT thôn Tân Lập 2 và thôn Tân Lập 3	Thôn Tân Lập 2 và Tân Lập 3, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	520	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	616.786.560.00
3	Đường GTNT số 3, xóm 1, thôn Tân Lập 3	Thôn Tân Lập 3, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	280	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	332.115.840.00
4	Đường GTNT số 2, xóm 2, thôn Tân Lập 3	Thôn Tân Lập 3, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	290	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	343.977.120.00
5	Đường GTNT xóm 8 và 9 thôn 14	Thôn 14, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	250	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	296.532.000.00
6	Đường GTNT xóm 5 và 6 thôn 14	Thôn 14, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	300	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	355.838.400.00

7	Đường GTNT xóm 2 thôn 8A	Thôn 8A, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	100	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	118.612.800.00
8	Đường GTNT số 4, xóm 2, thôn Tân Lập 3	Thôn Tân Lập 3, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	290	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	343.977.120.00
9	Đường GTNT xóm 5, thôn 12	Thôn 12, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	110	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	130.474.080.00
10	Đường GTNT xóm 7 và 8 thôn 14	Thôn 14, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	200	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	237.225.600.00
11	Đường GTNT xóm 4, thôn 12	Thôn 12, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	200	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	237.225.600.00
12	Đường GTNT xóm 1, 2, 3 thôn Cư Blang	Thôn Cư Blang, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	250	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	296.532.000.00
13	Đường GTNT xóm 2 thôn 14	Thôn 14, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	250	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	296.532.000.00
14	Đường GTNT xóm 4 thôn Cư Blang	Thôn Cư Blang, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	200	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	237.225.600.00
15	Đường GTNT ngõ, xóm	Thôn Tân Lập 2, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	2.000	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	1.545.938.000.00

16	Đường GTNT ngõ, xóm	Thôn Tân Lập 3, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	900	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	695.672.100.00
17	Đường GTNT ngõ, xóm	Thôn Tân Lập 4, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	120	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	92.756.280.00
18	Đường GTNT ngõ, xóm	Thôn Tân Lập 6, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	300	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	231.890.700.00
19	Đường GTNT ngõ, xóm	Thôn Tân Lập 7, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	330	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	255.079.770.00
20	Đường GTNT ngõ, xóm	Thôn 8, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	450	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	347.836.050.00
21	Đường GTNT ngõ, xóm	Thôn 8A, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	500	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	386.484.500.00
22	Đường GTNT ngõ, xóm	Thôn 9, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.100	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	850.265.900.00
23	Đường GTNT ngõ, xóm	Thôn 9A, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	350	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	270.539.150.00
24	Đường GTNT ngõ, xóm	Thôn 10, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	300	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	231.890.700.00

25	Đường GTNT ngõ, xóm	Thôn 12, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	760	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	587.456.440.00
26	Đường GTNT ngõ, xóm	Thôn 13, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	970	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	749.779.930.00
27	Đường GTNT ngõ, xóm	Thôn 15, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.600	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	1.236.750.400.00
28	Đường GTNT ngõ, xóm	Thôn Cư Blang, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.700	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	1.314.047.300.00
29	Đường GTNT ngõ, xóm	Thôn Ea Tút, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	750	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	579.726.750.00
30	Đường GTNT ngõ, xóm	Thôn Ea Nur, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.700	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	1.314.047.300.00
II	**Xã Chứ Kbô**							**10.207.817.568.00**
1	Đường GTNT (Đoạn từ nhà ông Lâm Ngọc Thanh đến nhà ông Từ Đình Đệ)	Thôn Kim Phú, xã Chứ Kbô	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	500	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	593.064.000.00
2	Đường GTNT tuyến 1 thôn Kim Phú (Đoạn từ nhà ông Phạm Văn Dũng đến nhà bà Võ Ngọc Tuyết)	Thôn Kim Phú, xã Chứ Kbô	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	104	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	123.357.312.00

3	Đường GTNT (Đoạn từ nhà ông Phạm Văn Điều đến nhà ông Lê Viết Nga)	Thôn Kim Phú, xã Chứ Kbô	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	500	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	593.064.000.00
4	Đường GTNT (Đoạn từ nhà ông Trần Thanh Tân đến nhà ông Lương Ngọc Phong và Đoạn từ nhà ông Trần Hữu Đức đến nhà bà Nguyễn Thị Vinh)	Thôn Liên Hóa, xã Chứ Kbô	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	650	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	770.983.200.00
5	Đường GTNT thôn Kty 4 (Đoạn từ Quốc lộ 14 đến nhà ông Nguyễn Kim Lam)	Thôn Kty4, xã Chứ Kbô	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	500	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	593.064.000.00
6	Đường GTNT tuyến 3 thôn Liên Hóa (Đoạn từ nhà ông trần Văn Thượng đến nhà ông Nguyễn Văn Hoa)	Thôn Liên Hóa, xã Chứ Kbô	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	539	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	639.322.992.00
7	Đường GTNT (Đoạn từ nhà ông Tạ Bá Giang đến phân hiệu trường Nguyễn Thị Minh Khai và Đoạn từ nhà ông Lê Đức Mận đến hội trường thôn)	Thôn Hợp Thành, xã Chứ Kbô	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	450	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	533.757.600.00
8	Đường GTNT tuyến số 1 (Đoạn từ cầu Đội 6 đến nhà ông Tạ Bá Giang)	Thôn Hợp Thành, xã Chứ Kbô	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	147	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	174.360.816.00
9	Đường GTNT (Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Hùng đến nhà ông Lê Văn Quế)	Thôn Nam Trung, xã Chứ Kbô	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	571	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	677.279.088.00
10	Đường GTNT thôn Kty 3 (Đoạn từ Quốc lộ 14 đến nhà bà Nguyễn Thị Đường)	Thôn Kty3, xã Chứ Kbô	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.700	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	2.016.417.600.00

11	Đường GTNT (Đoạn từ nhà ông Nguyễn Thế Thời đến nhà ông Nguyễn Văn Lâm)	Thôn Thống Nhất, xã Chứ Kbô	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	454	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	538.502.112.00
12	Đường GTNT tuyến 1 Liên Hóa (Đoạn từ nhà ông Nguyễn Thanh Tân đến nhà ông Lương Ngọc Phong)	Thôn Liên Hóa, xã Chứ Kbô	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	429	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	508.848.912.00
13	Đường GTNT tuyến 2 Liên Hóa (Đoạn từ nhà ông Trần Hữu Đức đến nhà bà Nguyễn Thị Vinh)	Thôn Liên Hóa, xã Chứ Kbô	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	207	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	245.528.496.00
14	Đường GTNT thôn Nam Tân (Đoạn từ nhà ông Ngô Công Lợi đến nhà bà Trần Thị Thân)	Thôn Nam Tân, xã Chứ Kbô	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.000	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	1.186.128.000.00
15	Đường GTNT thôn Nam Thái (Đoạn từ nhà ông Phan Xuân Quyền đến nhà ông Đặng Xuân Lĩnh)	Thôn Nam Thái, xã Chứ Kbô	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	855	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	1.014.139.440.00
III	**Xã Cư Pơng**							**15.178.230.200.00**
1	Đường GTNT Buôn Adrơng Điết	Buôn Adrơng Điết, xã Cư Pơng	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	2.500	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	2.965.320.000.00
2	Đường GTNT ngõ, xóm	Buôn Adrơng Điết , xã Cư Pơng	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.500	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	1.159.453.500.00
3	Đường GTNT ngõ, xóm	Buôn Kbuôr, xã Cư Pơng	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	2.500	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	1.932.422.500.00

4	Đường GTNT ngõ, xóm	Buôn Kđoh, xã Cư Pơng	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	2.000	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	1.545.938.000.00
5	Đường GTNT ngõ, xóm	Xóm A, xã Cư Pơng	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	3.300	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	2.550.797.700.00
6	Đường GTNT liên thôn, buôn	Buôn Cư Yuốt - Ea Kiết, xã Cư Pơng	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	3.500	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	2.705.391.500.00
7	Đường GTNT ngõ, xóm	Buôn Ea Kram, xã Cư Pơng	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	3.000	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	2.318.907.000.00
IV	**Xã Tân Lập**							**5.551.079.040.00**
1	Đường GTNT thôn 3 (Đoạn từ nhà ông Quang đến nhà bà Đà)	Thôn 3, xã Tân Lập	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	300	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	355.838.400.00
2	Đường GTNT (Điểm đầu: Từ nhà ông Lập đến nhà ông Đắc)	Thôn 2, Tân Lập	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	110	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	130.474.080.00
3	Đường GTNT (Điểm đầu: Từ nhà bà Lương Thị Hồng đến nhà ông Võ Hồng Đoàn)	Thôn 3, Tân Lập	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	600	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	711.676.800.00
4	Đường GTNT (Điểm đầu: Từ nhà ông Lê Huy Tài đến nhà ông Triệu Tấn Thiêm)	Thôn 4, Tân Lập	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	350	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	415.144.800.00

5	Đường GTNT thôn 3 (Đoạn từ hội trường thôn 3 đến nhà ông Huỳnh Ngọc Thạch)	Thôn 3, xã Tân Lập	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	200	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	237.225.600.00
6	Đường GTNT thôn 3 (Đoạn từ nhà ông Mai Văn Trọng đến nhà ông Ngô Đắc Sơn)	Thôn 3, xã Tân Lập	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	200	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	237.225.600.00
7	Đường GTNT thôn 5 (Đoạn đầu xóm 24 đến nhà ông Diên)	Thôn 5, xã Tân Lập	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	500	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	593.064.000.00
8	Đường GTNT (Điểm đầu: Từ nhà bà Lê Thị Phương đến nhà ông Nguyễn Văn Hữu)	Thôn 4, xã Tân Lập	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	500	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	593.064.000.00
9	Đường GTNT (Điểm đầu: Từ nhà Nghĩa trang nhân dân đến nhà ông Nguyễn Văn Mận)	Thôn 4, Tân Lập	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.300	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	1.541.966.400.00
10	Đường GTNT (Điểm đầu: Từ nhà ông Nguyễn Trọng Lực đến nhà bà Hồ Thị Hiền)	Thôn Tân Hòa, xã Tân Lập	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	200	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	237.225.600.00
11	Đường GTNT (Điểm đầu: Từ nhà ông Nguyễn Sỹ Mạnh đến nhà ông Phan Văn Hoàng)	Thôn Tân Hòa, xã Tân Lập	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	300	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	355.838.400.00
12	Đường GTNT (Điểm đầu: Từ nhà ông Nguyễn Văn Nam đến nhà ông Đặng Sỹ Hoàng)	Thôn Tân Hòa, xã Tân Lập	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	120	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	142.335.360.00
V	**Xã Cư Né**							**6.820.236.000.00**

1	Đường GTNT (Đoạn từ thửa đất ông Lê Tường Thông đến nhà ông Trần Xuân Hiển)	Thôn Ea Kung, xã Cư Né	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.000	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	1.186.128.000.00
2	Đường GTNT (Đoạn từ nhà ông Lê Thanh Hải đến nhà ông Nguyễn Văn Công)	Thôn 6, xã Cư Né	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	4.000	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	4.744.512.000.00
3	Đường GTNT (Đoạn từ thửa đất ông Dương Thành đến thửa đất ông Lê Minh Sơn)	Buôn Rah 1, xã Cư Né	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	750	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	889.596.000.00
VI	**Xã Ea Ngai**							**14.394.709.700.00**
1	Đường Ngõ xóm (Đoạn từ Quốc lộ 29 nhà ông Bảng đến tiếp giáp xã Cư Dlia Mnông huyện Cư Mgar)	Thôn 1, xã Ea Ngai	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	700	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	541.078.300.00
2	Đường GTNT (Đoạn từ nhà ông Ngô - thôn 5 đến nhà ông Ngào - thôn 8 ra tỉnh lộ 8)	Thôn 5 => Tỉnh lộ 8, xã Ea Ngai	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.000	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	1.186.128.000.00
3	Đường ngõ xóm (Giáp đường liên thôn số 1 đến đường liên thôn số 2, đất nhà ông Thanh)	Thôn 3, xã Ea Ngai	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	600	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	463.781.400.00
4	Đường GTNT (Đoạn từ ngã ba nhà ông Hải - Thôn 3 đi sình Buôn Tân Mai)	Thôn 3 => tỉnh lộ 8, xã Ea Ngai	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	2.000	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	2.372.256.000.00
5	Đường GTNT (Đoạn đầu tiếp nối đất cạnh tranh nông nghiệp đến hết ranh đất vườn ông Lê Văn Sơn)	Thôn 7, xã Ea Ngai	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	400	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	474.451.200.00

6	Đường GTNT (Đoạn từ ngã ba nhà ông bà Giang Sóng - thôn 9 ra cây xăng Trường Sơn - thôn 2, đường bao khu trung tâm xã Ea Ngai)	Thôn 9 => Thôn 2, xã Ea Ngai	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	4.500	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	5.337.576.000.00
7	Đường ngõ xóm (Giáp quốc lộ 29 đến tiếp giáp đầu nguồn hồ Drao)	Thôn 2, xã Ea Ngai	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.000	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	772.969.000.00
8	Đường ngõ xóm 1 thôn 9(Giáp Quốc lộ 29 đến giáp đất ông Trung)	Thôn 9, xã Ea Ngai	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	300	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	231.890.700.00
9	Đường ngõ xóm Thôn 6 (Giáp Tỉnh lộ 8 đến giáp đất nhà ông Chín)	Thôn 6, xã Ea Ngai	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	600	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	463.781.400.00
10	Đường ngõ xóm, xóm 2- Thôn 2 (Giáp Quốc lộ 29 đến đất nhà ông Duy)	Thôn 2, xã Ea Ngai	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.000	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	772.969.000.00
11	Đường ngõ xóm, xóm 3 Thôn 2 (Giáp Quốc lộ 29 đến đất nhà ông Chiến)	Thôn 2, xã Ea Ngai	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.300	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	1.004.859.700.00
12	Đường ngõ xóm, xóm 2 Thôn 1 (Giáp Quốc lộ 29 đến giáp đất xã Cư Dliê Mnông huyện Cư Mgar)	Thôn 1, xã Ea Ngai	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.000	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	772.969.000.00
Tổng cộng					**69.806**			

Tổng chiều dài dự kiến đầu tư giai đoạn 2017-2020: **69.806 mét (69,806 km)**

Tổng kinh phí dự kiến đầu tư giai đoạn 2017-2020: **67.871.416.498 VNĐ**

(Bằng chữ: Sáu mươi bảy tỷ, tám trăm bảy mươi mốt triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, bốn trăm chín mươi tám đồng)

DANH MỤC DỰ KIẾN ĐT CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG GTNT THEO QUY ĐỊNH MỨC HỘ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG THIẾT YẾU TRONG CHƯƠNG TRÌNH MTQG VỀ XÂY DỰNG NTM TRÊN ĐỊA TỈNH ĐẮK LẮK, GIAI ĐOẠN 2017 - 2020 (nguồn vốn của tỉnh)

STT	Tên danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Các hạng mục công trình	Diện tích sử dụng đất	Chiều dài CT (m)	Quy mô xây dựng (TK mẫu)	Nội dung thiết kế	Khái toán kinh phí thực hiện (VNĐ)
I	**Xã Cư Né**							**4.080.280.320.00**
1	Đường GTNT (Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Sỹ đến nhà ông Hùng)	Buôn Kđrô 1, xã Cư Né	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	700	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	830.289.600.00
2	Đường GTNT (Đoạn từ nhà cộng đồng buôn Kmu đến nhà ông Lê Quang Vinh)	Buôn Kmu, xã Cư Né	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.100	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	1.304.740.800.00
3	Đường GTNT (Đoạn từ thửa đất số 16, tờ bản đồ 158 đến nhà rẫy ông Phạm Văn Điển)	Buôn Kđrô 2, xã Cư Né	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	240	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	284.670.720.00
4	Đường GTNT (Đoạn từ thửa đất ông Y Sin Niê đến thửa đất ông Y Blút Mlô)	Buôn Ko, xã Cư Né	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	700	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	830.289.600.00
5	Đường GTNT (Đoạn từ thửa đất ông Y Kô Niê đến thửa đất bà H' Nhí Mlô)	Buôn Ko, xã Cư Né	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	700	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	830.289.600.00
II	**Xã Cư Pơng**							**22.061.980.800.00**
1	Đường GTNT ngõ, xóm	Buôn Cư Hiăm, xã Cư Pơng	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	2.000	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	2.372.256.000.00

2	Đường GTNT liên thôn, buôn	Buôn Ea Druich - Đrây Huê - Ea Tuk - Cư Hiam - Ea Kram, xã Cư Pơng	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.900	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	2.253.643.200.00
3	Đường GTNT ngõ, xóm	Buôn Kđoh, xã Cư Pơng	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	2.000	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	2.372.256.000.00
4	Đường GTNT Buôn Ea Klock	Buôn Ea Klock, xã Cư Pơng	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	2.000	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	2.372.256.000.00
5	Đường GTNT liên thôn, buôn	Buôn Ea Liăng - Kbuôr - Drây Huê, xã Cư Pơng	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.000	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	1.186.128.000.00
6	Đường GTNT ngõ, xóm	Buôn Tlan, xã Cư Pơng	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	4.500	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	5.337.576.000.00
7	Đường GTNT ngõ, xóm	Buôn Ea Liăng, xã Cư Pơng	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	2.500	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	2.965.320.000.00
8	Đường GTNT liên thôn, buôn	Buôn Adrơng Điết - Ea Liăng , xã Cư Pơng	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	2.700	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	3.202.545.600.00
III	**Xã Tân Lập**							**830.289.600.00**
1	Điểm đầu: Từ đường nhựa giáp xã Ea Hồ đến nhà ông Phan Văn Dương	Thôn 6, xã Tân Lập	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	700	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	830.289.600.00
IV	**Xã Pơng Drang**							**772.969.000.00**

1	Đường ngõ, xóm	Buôn Tâng Mai, xã Pơng Drang	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.000	Đường cấp D	Theo thiết kế mẫu	772.969.000.00
V	**Xã Ea Sin**							**19.926.950.400.00**
1	Đường GTNT ban tự quản Cư Biêng, xã Ea Sin	Ban tự quản Cư Biêng, xã Ea Sin	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	5.000	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	5.930.640.000.00
2	Đường GTNT liên thôn ban Tự quản Ea Mak (tiếp giáp đường liên xã Cư Pơng, Cư Né và xã Ea Sin), giai đoạn 1.	Ban tự quản thôn Ea Mal, xã Ea Sin	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	5.000	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	5.930.640.000.00
3	Đường GTNT liên thôn ban Tự quản Ea Mak (tiếp giáp đường liên xã Cư Pơng, Cư Né và xã Ea Sin), Giai đoạn 2.	Ban tự quản Ea Mak, xã Ea Sin	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	5.000	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	5.930.640.000.00
4	Đường GTNT Thôn Ea Klang	Thôn Ea Klang, xã Ea Sin	Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước	Thuộc phạm vi đường hiện trạng	1.800	Đường cấp C	Theo thiết kế mẫu	2.135.030.400.00
Tổng cộng					**40.540**			

Tổng chiều dài dự kiến đầu tư giai đoạn 2017-2020: **40.540 mét (40,540 km)**

Tổng kinh phí dự kiến đầu tư giai đoạn 2017-2020: **47.672.470.120 VNĐ**

(Bằng chữ: Bốn mươi sáu tỷ, không trăm mười một triệu, tám trăm chín mươi nghìn, chín trăm hai mươi đồng)